

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Trần Văn Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 363/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021. về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hương H, sinh năm 1997. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Hoàng Thế T, sinh năm 1992. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Phan Thị Hương H trình bày:

Bà H và ông T yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau vào năm 2015 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, ông T thường xuyên nhậu nhẹt và có lần còn đánh đập, bạo lực đối với bà H. Bà H đã cố gắng nhẫn nhịn để hàn gắn tình cảm vì con chung tuy nhiên đến nay vẫn không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và bà H, ông T đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà H cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống thì giữa bà H với ông T có 01 người con chung là cháu Hoàng Phan Thiên K, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017. Nay ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Phan Thiên K. Trước đây tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai bà H có yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng nay bà H xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong biên bản lấy lời khai bị đơn ông Hoàng Thế T, trình bày:

Ông T và bà H yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau vào năm 2015 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H đi làm ăn xa, sống xa nhau nên tình cảm lạnh nhạt, giữa hai vợ chồng có sự cãi vã, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, giữa hai vợ chồng không tìm thấy tiến nói chung. Ông T bà H đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T thì ông T đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống thì giữa bà H với ông T có 01 người con chung là cháu Hoàng Phan Thiên K, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017. Nay ly hôn ông T đồng ý giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Phan Thiên K. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh tại địa phương, nơi sinh sống của bà H, ông T ngày 05/7/2022 ghi nhận được nội dung sau: Thời gian đầu chung sống vợ chồng giữa bà H và ông T hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó thì thấy nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông T và bà H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Hương H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Hương H và ông Hoàng Thế T có đăng ký kết hôn, nay bà H xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông Hoàng Thế T đang cư trú tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Bà Phan Thị Hương H và ông Hoàng Thế T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình trong các biên bản làm việc, bản khai tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T, bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hương H và ông Hoàng Thế T cùng xác nhận, bà H và ông T yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau vào năm 2015 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận

nhưng đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và bà H, ông T đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Theo bà H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, ông T thường xuyên nhậu nhẹt và có lần còn đánh đập, bạo lực đối với bà H. Bà H đã có gắng nhẫn nhịn để hàn gắn tình cảm vì con chung tuy nhiên đến nay vẫn không có kết quả.

Vì cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T.

Theo ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H đi làm ăn xa, sống xa nhau nên tình cảm lạnh nhạt, giữa hai vợ chồng có sự cãi vã, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, giữa hai vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn với bà H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Tòa án để hoà giải, nhưng ông T vắng mặt điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí được hòa giải hàn gắn.

Tuy ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn với bà H nhưng ông T lại không đến tham gia hòa giải nên không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà H.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05/7/2022 tại nơi ở của bà H và ông T, ghi nhận được nội dung sau: Thời gian đầu chung sống vợ chồng giữa bà H và ông T hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó thì thấy nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông T và bà H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có 01 người con chung là cháu **Hoàng Phan Thiên K**, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017. Nay ly hôn bà H và ông T cùng thống nhất, đồng ý giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Hoàng Phan Thiên K** và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn và nhận thấy bà H có thu nhập và nơi ở ổn định, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về con chung giữa các đương sự, giao cho bà H được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Phan Thiên K.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà H là không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Hương H và ông Hoàng Thế T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị Hương H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị Hương H được ly hôn với ông Hoàng Thế T.

Về con chung: Bà Phan Thị Hương H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 người con chung là cháu Hoàng Phan Thiên K, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017. Ông Hoàng Thế T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Hoàng Thế T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Hương H và ông Hoàng Thế T không yêu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Phan Thị Hương H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0007644, ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Phan Thị Hương H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 7 năm 2022) các đương sự được quyền kháng cáo. Do bà H và ông T đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc.

***Nơi nhận:***

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Đá Bạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Tiến**